

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 02 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Bà Phạm Hồng Đuộm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị Thạch Thị Cẩm N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp TS, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TS, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N đơn chị Thạch Thị Cẩm N trình bày: Chị và anh Phùng Văn T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2009. Ngày 27/10/2009 vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vào khoảng đầu năm 2016 vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến không còn sống chung, không liên lạc khoảng 02

năm nay. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Văn T.

Anh Phùng Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đại diện địa phương xác định anh T vẫn đang sinh sống tại địa phương và thường xuyên đi làm thuê. Trong quá trình sinh sống tại địa phương thì chị N và anh T là công dân tốt, chấp hành pháp luật, quy định của địa phương. Tuy nhiên, không xác định được tình trạng hôn nhân của chị N và anh T như thế nào, chỉ biết hiện nay chị N không còn sinh sống tại địa phương và không sống cùng anh T. Các con của anh T và chị N đều đang sống cùng anh Phùng Văn T tại nhà của cha mẹ anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có 03 người con chung tên Phùng Quang Th, sinh ngày 18/7/2007; Phùng Quang H, sinh ngày 08/5/2006 và Phùng Cẩm T1, sinh ngày 27/8/2008. Hiện nay cả 03 cháu Th, H và T1 đều đang sống cùng anh T, khi ly hôn chị đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của cháu Phùng Quang Th, Phùng Quang H và Phùng Cẩm T1 đều xác định hiện nay đang sống cùng cha là Phùng Văn T, có cuộc sống ổn định. Khi cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng cha.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: N đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Cẩm N với anh Phùng Văn T; Giao cháu Phùng Quang H - sinh ngày 08/5/2006, Phùng Quang Th – sinh ngày 18/7/2007 và Phùng Cẩm T1 – sinh ngày 27/8/2008 cho anh Phùng Văn T tiếp tục nuôi dưỡng; Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con; Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị Cẩm N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phùng Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Cẩm N và anh Phùng Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị N và anh T là tự nguyện và hợp pháp. Chị N xác định hiện nay vợ chồng chị không còn chung sống với nhau, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị N đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay, không còn liên lạc hay quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Cẩm N.

[3] Về con chung: Hiện nay các cháu Phùng Quang Th, Phùng Quang H và Phùng Cẩm T1 đang sống cùng anh Phùng Văn T. Nguyên vọng của các cháu cũng muốn được tiếp tục sống cùng anh T. Đây là ý chí tự nguyện của cháu Th, H và cháu T1, không ai dụ dỗ hay ép buộc. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao các cháu Th, H và T1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống của các cháu. Chị Thạch Thị Cẩm N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Văn T và chị Thạch Thị Cẩm N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Cẩm N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Thạch Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Cẩm N đối với anh Phùng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Quang Th, sinh ngày 18/7/2007; Phùng Quang H, sinh ngày 08/5/2006 và Phùng Cẩm T1, sinh ngày 27/8/2008 cho anh Phùng Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Thạch Thị Cẩm N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005856 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện HB;
- Cơ quan THA Huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm